

Bản án số: 45/2020/HSST

Ngày 13 – 02 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Mạnh Chiến

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến

Bà Phạm Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2019/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Thành N

Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1992; tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 19 khu 2, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Vũ Thị L; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 27/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vũ Văn L

Sinh ngày 27 tháng 02 năm 1990; tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 1 khu 6, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Vũ Văn Q và bà: Lê Thị M; Vợ: Lê Thị M (đã ly hôn), có 02 con lớn sinh năm 2014 nhỏ sinh năm 2016. Tiền án: Ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 04/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: anh Lê Xuân Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 7 khu 7, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 23/10/2019 Vũ Thành N đi bộ đến nhà anh Lê Xuân Đại, tại tổ 7 khu 7, phường T, thành phố H, thấy cổng khóa nên đã trèo qua tường rào vào trong sân để trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu, N đi về phía sau nhà dùng tay giật cửa làm then cài bên trong rơi xuống đất, vào trong nhà lấy 01 điện thoại di động Nokia X1 để trên bàn phòng khách cất giấu vào túi quần, lấy 01 áo da mác Hongmeng để trên mặt ghế mặc lên người, rồi dùng tay kéo 01 chiếc loa nhãn hiệu Bose ra khỏi nhà để sát hàng rào trước sân nhà.

Sau đó N gọi điện cho Vũ Văn L và hướng dẫn đường đi nhờ L đến đón nhưng không nói là chở tài sản trộm cắp, mục đích để đưa chiếc loa về nhà L cất giấu, khoảng 2 giờ 50 phút cùng ngày L điều khiển xe mô tô (loại xe Honda Lead màu trắng không rõ biển số của bạn tên Tiến không rõ lai lịch) đến đỗ sát hàng rào nhà anh Đại, N đứng bên trong bê chiếc loa đặt lên hàng rào, L đứng bên ngoài dùng hai tay đỡ loa đặt lên hàng rào để N trèo ra ngoài rồi cùng L bê chiếc loa đặt lên xe, N ngồi sau ôm loa và nói chở về nhà L. Khi về đến nhà L hỏi mua chiếc loa với giá 1.400.000đ, sau đó N lấy điện thoại Nokia X1 trong túi ra để trên bàn nói cho L.

Ngày 23/10/2019 anh Lê Xuân Đại phát hiện bị mất tài sản đã đến cơ quan Công an trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Nokia X1, 01 áo da mác Hongmeng, 01 chiếc loa nhãn hiệu Bose. Thu của N 01 điện thoại di động Oppo.

Bản kết luận định giá tài sản số 211/KLĐG ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H, kết luận: 01 chiếc loa kéo nhãn hiệu Bose DK – 715FX, trị giá 7.000.000đ; 01 điện thoại di động Nokia X1, màu đen, trị giá 612.500đ; 01 áo da mác Hongmeng, cỡ XL, màu vàng trị giá 1.100.000đ. Tổng trị giá tài sản 8.712.500đ.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSHL ngày 30/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, đã truy tố bị cáo Vũ Thành N và Vũ Văn L về tội *Trộm cắp tài sản*, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thành N từ 12 đến 15 tháng tù. Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 9

đến 12 tháng tù; không phạt tiền các bị cáo; trả lại bị cáo Vũ Thành N 01 điện thoại, truy thu số tiền 1.400.000đ.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, quá trình khai báo tự nguyện không bị ép buộc.

Bị hại anh Lê Xuân Đ thể hiện quan điểm về việc sáng ngày 23/10/2019 anh đi làm về phát hiện cửa lách sau nhà mở, tài sản bị mất là 01 điện thoại di động Nokia X1, 01 áo da mác Hongmeng, 01 chiếc loa nhãn hiệu Bose, anh nghi ngờ Vũ Thành N lấy trộm tài sản do tối hôm trước N có đến nhà anh chơi, biết anh đi làm không ở nhà, anh đã gọi điện cho N thừa nhận và hứa trả lại tài sản nhưng không trả, anh đã đến cơ quan Công an trình báo, tài sản anh đã được nhận lại không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thành N và Vũ Văn L thể hiện rạng sáng ngày 23/10/2019 do biết anh Lê Xuân Đ không có ở nhà nên Vũ Thành N đã đến nhà anh Đ trèo qua hàng rào vào phía sau nhà cạy cửa lấy tài sản là điện thoại cất vào trong túi quần, áo khoác mặc lên người và kéo chiếc loa ra hàng rào, dùng điện thoại lấy của anh Đ gọi cho L đến đón hỗ trợ bê loa ra ngoài cho lên xe chở về nhà L, N không nói cho L biết đã trộm cắp được những tài sản gì. Bị cáo Vũ Văn L thừa nhận đêm tối được N gọi điện nhờ, khi đến nơi bị cáo thấy N đứng bên trong hàng rào cùng chiếc loa, nên đỡ xe máy sát hàng rào, N đứng bên trong bê chiếc loa đặt lên hàng rào, L đứng bên ngoài dùng hai tay đỡ loa, N trèo ra ngoài rồi cùng L bê chiếc loa đặt lên xe, bị cáo L biết chiếc loa này là tài sản N trộm cắp đã đồng ý giúp bê loa qua hàng rào và đặt lên xe máy, để N ngồi sau ôm loa về nhà L. Sau đó L đã mua chiếc loa với giá 1.400.000đ, đổi với chiếc điện thoại và áo khoác bị cáo không biết L trộm cắp.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh phù hợp với lời khai của bị hại Lê Xuân Đ về việc nghi ngờ Vũ Thành N đến nhà cạy cửa sau vào lấy tài sản; phù hợp với lời khai của người làm chứng Lò Văn Út về việc Vũ Thành N có mang áo khoác da chữ Hongmeng đến nơi ở của anh để. Đồng thời phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản, bản ảnh quá trình thực nghiệm điều tra và bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H.

Như vậy có căn cứ kết luận vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 23/10/2019 tại tổ 7 khu 7, phường T, thành phố H, Vũ Thành N đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động Nokia X1, 01 áo da mác Hongmeng, 01 chiếc loa kéo nhãn hiệu Bose của anh Lê Xuân Đ, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 8.712.500đ. Vũ Văn L đã có hành vi giúp Vũ Thành N trộm cắp chiếc loa kéo nhãn hiệu Bose của anh Lê Xuân Đ, trị giá chiếc loa là 7.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Vũ Thành N và Vũ Văn L đã phạm tội *Trộm cắp tài sản*, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định: *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3] Tính chất mức độ, hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của bị cáo đã thể hiện thiếu ý thức chấp hành pháp luật, coi thường các quy tắc đạo đức, xã hội; bị cáo đã lợi dụng đêm tối vắng người trèo tường rào vào nhà cạy cửa trộm cắp tài sản.

Về tính chất vai trò đồng phạm trong vụ án, vai trò chính là bị cáo Vũ Thành N là người chủ động thực hiện hành vi trộm cắp, lấy tài sản của bị hại tổng trị giá là 8.712.500đ, sau đó đã gọi L đến hỗ trợ đưa tài sản là chiếc loa ra ngoài, do đó bị cáo cần có mức hình phạt cao hơn. Tiếp đến là bị cáo Vũ Văn L tiếp nhận hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thành N biết được chiếc loa mà N đã lấy ở trong nhà anh Đ là tài sản trộm cắp, đồng ý thực hiện hành vi giúp N đưa tài sản trộm cắp là chiếc loa trị giá 7.000.000đ ra ngoài, chở về nhà cất giấu và mua lại chiếc loa, nên có mức hình phạt thấp hơn.

Các bị cáo phải tự chịu trách nhiệm về từng hành vi của mình, tương ứng với tính chất mức độ, hậu quả của việc thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Vũ Văn L thuộc trường hợp tái phạm, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Thành N không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm của bản thân là nguy hiểm cho xã hội và được người bị hại xin xử mức án thấp. Bị cáo Vũ Thành N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã có thời gian phục vụ trong quân đội; đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Văn L sau khi phạm tội đã ra đầu thú và thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa, áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về phần bồi thường dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ 01 điện thoại di động Nokia X1, 01 áo da mác Hongmeng, 01 chiếc loa kéo nhãn hiệu Bose, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 điện thoại di động Oppo màu trắng thu của Vũ Thành N không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Truy thu số tiền 1.400.000đ của bị cáo Vũ Thành N có được từ hành vi phạm tội. Đối với 01 đĩa VCD ghi lại hình ảnh sự việc thực nghiệm điều tra là tài liệu lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về hình phạt bổ sung không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Vũ Thành N và Vũ Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ Thành N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 27/10/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/11/2019.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Vũ Thành N phải nộp lại số tiền 1.400.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thành N 01 điện thoại di động Oppo màu trắng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 80/BB-THA ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Thành N và Vũ Văn L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hay niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS, CA, THADS Tp H;
- TAND, VKSND tỉnh QN;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Mạnh Chiến
(đã ký)